TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN NAM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/DS-ST
Ngày: 22 - 7 - 2024
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Hải Thanh

2. Ông Phạm Ngọc Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam *tham gia phiên toà:*

Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/ QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 2, đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V - chức vụ: tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trượng Xuân V1 - Giám đốc Ngân hàng A - CN B

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trượng Xuân V1: Nguyễn Xuân T, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng của Ngân hàng A - CN B. (có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn LT1, xã PD, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Lê Thị Mỹ H - sinh năm 1988 (vắng mặt, có yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: thôn T2, xã PH, huyện NP, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn N - sinh năm 1929 (vắng mặt); bà Võ Thị C - sinh năm 1941 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: thôn Lạc Tân 01, xã Phước Diêm, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng A trình bày:

Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Mỹ H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 317878463/HĐTD ngày 16/6/2017, có nội dung: Số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng *(bằng chữ: Năm trăm triệu đồng);* thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 16/6/2017, mục đích vay để mua ngư lưới cụ, mua bình pha chóa, mua bình Dinamo, lãi suất 9,5%/năm (tại thời điểm vay); mức lãi suất điều chỉnh bằng trần lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng công bố còn hiệu lực đến kỳ điều chỉnh + Biên độ lãi suất đã ấn định từ khi ký kết hợp đồng tín dụng, nhưng không được thấp hơn lãi suất cho vay cùng loại hình do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ông L, bà H đã được giải ngân đủ số tiền vay 500.000.000 đồng này.

Để đảm bảo khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 317878463/HĐTD ngày 16/6/2017 của ông L, bà H thì cha mẹ ông L là ông Nguyễn N, bà Võ Thị C đã đồng ý ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 317878463B/HĐTC ngày 16/6/2017. Tài sản thế chấp là Thửa đất số 336, tờ bản đồ số 28c xã PD, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 970689 do UBND huyện NP cấp ngày 30/9/2009, số vào sổ H00907, cấp cho người sử dụng đất là ông Nguyễn N.

Quá trình trả nợ, ông L, bà H đã trả được nợ gốc được 220.104.167 đồng *(bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu, một trăm lẽ bốn nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng)* và đã trả nợ lãi được 10.124.221 đồng *(bằng chữ: Mười triệu, một trăm hai mươi bốn nghìn, hai trăm hai mươi mốt đồng).*

Quá trình trả nợ đến nay, ông L, bà H đã 02 lần để khoản nợ này quá hạn. Cụ thể, Lần 01: Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với khoản nợ này từ ngày 16/6/2018 đến ngày 10/9/20218; Lần 2: Từ ngày 16/6/2022 đến nay, do ông L, bà H không trả được gốc, lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 22/7/2024, ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Mỹ H còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền là 570.267.691 đồng *(bằng chữ: Năm trăm bảy mươi triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi mốt đồng)*, gồm: Dư nợ gốc là 279.895.833 đồng; Nợ lãi trong hạn là 206.220.731 đồng và Nợ lãi quá hạn là 84.151.127 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là:

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Mỹ H phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền 570.267.691 đồng *(bằng chữ: Năm trăm bảy mươi triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi mốt đồng)* và tiếp tục trả lãi vay phát sinh tính từ ngày 23/7/2024 theo quy định tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng;

- Yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 317878463B/HĐTC ngày 16/6/2017, để đảm bảo thi hành án. Trường hợp ông L, bà H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vay.

Quá trình tố tụng, Bị đơn ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Mỹ H:

Ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Mỹ H xác nhận ông bà có ký kết và vay của Ngân hàng A theo Hợp đồng tín dụng số 317878463/HĐTD ngày 16/6/2017 mà nguyên đơn cung cấp; đã nhận đủ số tiền vay; đã trả nợ gốc và lãi; chuyển nợ quá hạn như Ngân hàng trình bày nêu trên. Ông L, bà H xác nhận còn dư nợ gốc của Ngân hàng là 279.895.833 đồng theo Hợp đồng tín dụng này và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng dư nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo yêu cầu của Ngân hàng; đồng ý tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 317878463B/HĐTC ngày 16/6/2017, để đảm bảo thi hành án. Do ông, bà thuộc hộ cận nghèo nên xin Tòa án miễn toàn bộ án phí trong vụ án này.

Quá trình tố tụng, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Nguyễn N, bà Võ Thị C trình bày: Vợ chồng ông, bà đồng ý toàn bộ trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vợ chồng ông, bà xác nhận có đồng ý ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 317878463B/HĐTC ngày 16/6/2017, để đảm bảo trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 317878463/HĐTD ngày 16/6/2017 mà ông L, bà H ký kết với Ngân hàng. Tài sản thế chấp là Thửa đất số 336, tờ bản đồ số 28c xã PD, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 970689 do UBND huyện NP cấp ngày 30/9/2009, số vào sổ H00907, cấp cho người sử dụng đất là Nguyễn N. Vì vậy, vợ chồng ông, bà đồng ý tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 317878463B/HĐTC ngày 16/6/2017, để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Ngân hàng A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bà H đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Ông L, ông N, bà C không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ buộc bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông L, bà H trả khoản nợ còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Bị đơn cư trú tại thôn LT1, PD, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, đây là vụ án dân sự tranh chấp về *"Hợp đồng tín dụng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông L và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Bị đơn bà H có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L, bà H, ông N, bà C.

[2] Về nội dung vụ án: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét về nội dung và hình thức, thẩm quyền ký kết Hợp đồng tín dụng số 317878463/HĐTD ngày 16/6/2017 giữa Ngân hàng với ông L, bà H là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản, có chữ ký các bên, có hình thức và nội dung phù hợp quy định tại Điều 100, Điều 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ, buộc các bên phải thực hiện. Căn cứ hợp đồng tín dụng giữa các bên do nguyên đơn đưa ra và bị đơn thừa nhận (BL 34, 52) nên là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, đủ cơ sở xác định, ông L, bà H có vay của Ngân hàng A số tiền 500.000.000 đồng *(bằng chữ: Năm trăm triệu đồng);* thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 16/6/2017, mục đích vay để mua ngư lưới cụ, mua bình pha chóa, mua bình Dinamo, lãi suất 9,5%/năm (tại thời điểm vay); mức lãi suất điều chỉnh bằng trần lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng công bố còn hiệu lực đến kỳ điều chỉnh + Biên độ lãi suất đã ấn định từ khi ký kết hợp đồng tín dụng, nhưng không được thấp hơn lãi suất cho vay cùng loại hình do Ngân hàng công bố tại thời điểm điều chỉnh; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tính đến nay, ông L, bà H đã trả được 220.104.167 đồng tiền nợ gốc và 10.124.221 đồng tiền nợ lãi cho Ngân hàng.

[2.2] Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhỡ, đôn đốc bị đơn ông L, bà H trả nợ nhưng ông L, bà H vẫn cố tình không trả nợ gốc, lãi là vi phạm Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 317878463/HĐTD ngày 16/6/2017. Do đó, Ngân hàng đã chuyển khoản nợ này sang nợ quá hạn 02 lần. Cụ thể, Lần 01: Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với khoản nợ này từ ngày 16/6/2018 đến ngày 10/9/20218; Lần 2: Từ ngày 16/6/2022 đến nay và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% của lãi suất trong hạn đã thỏa thuận là phù hợp với Điều 7 của hợp đồng tín dụng đã ký kết và Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông L, bà H đều thừa nhận có ký kết với Ngân hàng A Hợp đồng tín dụng số 317878463/HĐTD ngày 16/6/2017 và các tài liệu do Ngân hàng cung cấp là đúng và xác nhận hiện nay còn dư nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng này là 279.895.833 đồng và đồng ý số nợ lãi tính đến ngày Tòa án ghi biên bản lời khai của đương sự đối với ông L, bà H và đồng

ý trả khoản nợ này cho Ngân hàng (BL 34, 52) nên là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng Dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Tính đến ngày 22/7/2024, ông L, bà H còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền là 570.267.691 đồng *(bằng chữ: Năm trăm bảy mươi triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi mốt đồng)*, gồm: Dư nợ gốc là 279.895.833 đồng; Nợ lãi trong hạn là 206.220.731 đồng và Nợ lãi quá hạn là 84.151.127 đồng.

[2.4] Ngân hàng yêu cầu ông L, bà H phải chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 23/7/2024 trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là đúng quy định tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên được chấp nhận.

[2.5] Về yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 317878463B/HĐTC ngày 16/6/2017, để đảm bảo thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 317878463B/HĐTC ngày 16/6/2017 có nội dung ông N, bà C đồng ý thế chấp tài sản là Thửa đất số 336, tờ bản đồ số 28c xã PD, huyện TN, tỉnh Ninh Thuận, có diện tích 223 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 970689 do UBND huyện NP cấp ngày 30/9/2009, số vào sổ H00907, cấp cho người sử dụng đất là Nguyễn N, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay của ông L, bà H đối với khoản nợ nêu trên. Đăng ký tài sản thế chấp ngày 16/6/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - CN TN. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án xác định: Thửa đất số 336, tờ bản đồ số 28c xã PD do vợ chồng ông N, bà C đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Xét về nội dung và hình thức, thẩm quyền ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 317878463B/HĐTC ngày 16/6/2017 giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, được lập thành văn bản, có chữ ký các bên, đã được công chứng, chứng thực và đăng ký thế chấp hợp pháp nên có hình thức và nội dung phù hợp, đã được các bên thừa nhận (BL 34, 51, 53) và các bên đồng ý tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành án đối với khoản nợ này nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh quy định Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các điều 317, 319 và 320 Bộ luật Dân sự, việc Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp trên, yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không trả nợ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông L, bà H phải chịu 1.500.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, năm trăm nghìn đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong vụ án. Do Ngân hàng A đã nộp tạm ứng nên vợ chồng ông L, bà H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng A 1.500.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, năm trăm nghìn đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ này.

[5] Về án phí:

- Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Bị đơn thuộc hộ cận nghèo, đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Các điều 317, 319, 320 và 466 Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 107 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ-HĐTP ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

1. Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Mỹ H phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng A tổng số tiền: 570.267.691 đồng *(bằng chữ: Năm trăm bảy mươi triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn, sáu trăm chín mươi mốt đồng)*, gồm: Dư nợ gốc là 279.895.833 đồng; Nợ lãi trong hạn là 206.220.731 đồng và Nợ lãi quá hạn là 84.151.127 đồng.

2. Kể từ ngày 23/7/2024, ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Mỹ H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải thanh toán cho ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay).

3. Buộc ông Nguyễn N, bà Võ Thị C, ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Mỹ H tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người khác số 317878463B/HĐTC ngày 16/6/2017, để đảm bảo thi hành án. Trường hợp ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Mỹ H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Mỹ H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho Ngân hàng A 1.500.000 đồng *(Bằng chữ: Một triệu, năm trăm nghìn đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong vụ án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn L, bà Lê Thị Mỹ H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Ngân hàng A 12.626.500 đồng *(Bằng chữ: Mười hai triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002108 ngày 13/10/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tống đạt được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hùng **Phan Thị Hải Thanh** **Nguyễn Quốc Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Thị Liên Trịnh Thị Hồng Cúc	Nguyễn Quốc Tâm